

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU
TƯ
Số: 08/2001/TT-BKHĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2001

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định
số 02/2000/NĐ-CP**

ngày 3 tháng 2 năm 2000 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh

Thực hiện Nghị định số 02/2000/NĐ-CP ngày 3 tháng 2 năm 2000 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh; Chỉ thị số 29/2000/CT-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Luật Doanh nghiệp; Nhằm xử lý một bước các vướng mắc trong thực tế công tác đăng ký kinh doanh (ĐKKD).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cụ thể một số điều về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, đối với hộ kinh doanh cá thể quy định tại Nghị định số 02/2000/NĐ-CP và các mẫu giấy tờ dùng trong đăng ký kinh doanh, như sau:

I. ĐĂNG KÝ KINH DOANH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG THEO LUẬT DOANH NGHIỆP

1. Hồ sơ đăng ký kinh doanh

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân:

Đơn đăng ký kinh doanh, theo mẫu MĐ-1.

b) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) có hai thành viên trở lên:

- Đơn đăng ký kinh doanh, theo mẫu MĐ-2.

- Điều lệ công ty, có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 03/2000/NĐ-CP ngày 3 tháng 2 năm 2000 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

- Danh sách thành viên, theo mẫu MDS-1.

c) Đối với công ty cổ phần:

- Đơn đăng ký kinh doanh, theo mẫu MĐ-3.

- Điều lệ công ty, có nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 03/2000/NĐ-CP ngày 3 tháng 2 năm 2000 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

- Danh sách cổ đông sáng lập, theo mẫu MDS-2.

d) Đối với công ty TNHH một thành viên:

- Đơn đăng ký kinh doanh, theo mẫu MĐ-4.

- Điều lệ công ty, có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 03/2000/NĐ-CP ngày 3 tháng 2 năm 2000 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

đ) Đối với công ty hợp danh:

- Đơn đăng ký kinh doanh, theo mẫu MĐ-5.

- Điều lệ công ty, có nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số [03/2000/NĐ-CP](#) ngày 3 tháng 2 năm 2000 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

- Danh sách thành viên, theo mẫu MDS-3.

2. Hồ sơ đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp kinh doanh những ngành, nghề phải có vốn pháp định, phải có chứng chỉ hành nghề

a) Đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề phải có vốn pháp định, thì kèm theo hồ sơ đăng ký kinh doanh quy định tại điểm 1 Mục I Thông tư này phải có thêm xác nhận của cơ quan có thẩm quyền xác nhận vốn pháp định được xác định theo quy định của luật, pháp lệnh và nghị định quy định về vốn pháp định hoặc chứng chỉ hợp pháp chứng minh về số vốn của doanh nghiệp.

b) Đối với doanh nghiệp kinh doanh các ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số [03/2000/NĐ-CP](#) thì kèm theo hồ sơ đăng ký kinh doanh quy định tại điểm 1 Mục I Thông tư này phải có thêm bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của:

- Đối với doanh nghiệp tư nhân: Chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc giám đốc quản lý doanh nghiệp.
- Đối với công ty TNHH có hai thành viên trở lên: Một trong số những thành viên Hội đồng thành viên, hoặc Giám đốc (*Tổng giám đốc*), hoặc một trong những chức danh quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định.
- Đối với công ty cổ phần: Một trong số những thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Giám đốc (*Tổng giám đốc*), hoặc một trong những chức danh quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định.
- Đối với công ty TNHH một thành viên: Một trong số những thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Chủ tịch công ty, hoặc Giám đốc (*Tổng giám đốc*), hoặc một trong những chức danh quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định.
- Đối với công ty hợp danh: Tất cả các thành viên hợp danh.

3. Ngành, nghề kinh doanh ghi trong đăng ký kinh doanh

Ngoài danh mục ngành, nghề cấm kinh doanh quy định tại Điều 3 Nghị định số [03/2000/NĐ-CP](#), ngành, nghề kinh doanh ghi trong đăng ký kinh doanh như sau:

a) Đối với ngành, nghề mà theo các luật, pháp lệnh, nghị định quy định kinh doanh phải có điều kiện, hoặc có vốn pháp định, hoặc có chứng chỉ hành nghề, thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định đó.

b) Đối với các ngành, nghề kinh doanh khác, thì ghi theo Danh mục ngành, nghề kinh doanh sử dụng trong đăng ký kinh doanh ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số [07/2001/TTLT/BKH-TCTK](#) ngày 1/11/2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê hướng dẫn ngành, nghề kinh doanh sử dụng trong đăng ký kinh doanh.

4. Trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh

a) Người thành lập doanh nghiệp lập và nộp một bộ hồ sơ đăng ký kinh doanh quy định cho từng loại hình doanh nghiệp theo quy định tại điểm 1, điểm 2 Mục I Thông tư này tại Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

Người thành lập doanh nghiệp có thể uỷ quyền bằng văn bản hoặc hợp đồng với người đại diện của mình nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh tại Phòng đăng ký kinh doanh

cấp tỉnh.

b) Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký kinh doanh, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh có thể yêu cầu người đăng ký kinh doanh xuất trình các loại giấy tờ sau đây nếu xét thấy cần thiết:

- Đối với cá nhân:

+ Người trực tiếp đăng ký kinh doanh: Bản chính sổ hộ khẩu hoặc chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu.

+ Người được uỷ quyền: Bản chính sổ hộ khẩu hoặc chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy uỷ quyền hoặc hợp đồng.

+ Người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật: Nộp bản chụp sổ hộ khẩu hoặc chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu.

- Đối với tổ chức:

+ Doanh nghiệp nhà nước: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định của cơ quan có thẩm quyền cho phép doanh nghiệp tham gia góp vốn vào công ty.

+ Công ty TNHH có hai thành viên trở lên: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định của Hội đồng thành viên về việc cho phép công ty tham gia góp vốn.

+ Công ty cổ phần: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc giấy tờ khác theo quy định tại điều lệ công ty về việc cho phép công ty tham gia góp vốn.

+ Công ty TNHH một thành viên: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định của chủ sở hữu công ty hoặc giấy tờ khác theo quy định tại điều lệ công ty về việc cho phép công ty tham gia góp vốn.

+ Công ty hợp danh: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định của các thành viên hợp danh về việc cho phép công ty tham gia góp vốn.

+ Hợp tác xã: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; nghị quyết của Đại hội xã viên hoặc giấy tờ khác theo quy định tại điều lệ hợp tác xã về việc cho phép hợp tác xã tham gia góp vốn.

+ Đối với các cơ quan hành chính nhà nước mà trong ngân sách có nhiệm vụ chi quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 29 và điểm b, khoản 2, Điều 31, Luật Ngân sách Nhà

nước được Quốc hội khoá 9, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 20 tháng 3 năm 1996: Giấy tờ của cơ quan có thẩm quyền về việc chi cho góp vốn.

+ Đối với tổ chức chính trị, chính trị xã hội: Giấy tờ về việc cho phép góp vốn.

+ Đối với các hiệp hội khác: Giấy tờ của cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập, hoạt động; Giấy tờ về việc cho phép góp vốn.

c) Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký kinh doanh, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh phải ghi Giấy biên nhận theo mẫu MTB-8 và trao cho người nộp hồ sơ.

d) Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho người thành lập doanh nghiệp, theo mẫu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của từng loại hình doanh nghiệp MG-1, MG-2, MG-3, MG-4, MG-5, nếu có đủ các điều kiện quy định tại khoản 3, Điều 8, Nghị định số 02/2000/NĐ-CP.

Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ghi số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định như sau:

- Mã cấp tỉnh: 2 ký tự (*Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này*).

- Mã hình thức tổ chức: 1 ký tự, 0 là doanh nghiệp, 1 là chi nhánh, 2 là văn phòng đại diện.

- Mã loại hình doanh nghiệp: 1 ký tự, 1 là doanh nghiệp tư nhân, 2 là công ty TNHH có 2 thành viên trở lên, 3 là công ty cổ phần, 4 là công ty TNHH một thành viên, 5 là công ty hợp danh.

- Mã số thứ tự theo từng loại hình doanh nghiệp: 6 ký tự, từ 000001 đến 999999.

Ví dụ về ghi số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Doanh nghiệp tư nhân có trụ sở chính tại Hà Nội, được ghi số Giấy chứng nhận ĐKKD như sau:

0101000002 (*Giấy chứng nhận ĐKKD cấp cho doanh nghiệp tư nhân thứ 2 tại Hà Nội*)

- Chi nhánh của Công ty cổ phần có trụ sở chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, được ghi số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động như sau: